

Nghị định mới về thanh toán không dùng tiền mặt

Ngày 15/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt (“**Nghị định 52**”). Nghị định 52 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

So với Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ (“**Nghị định 101**”), Nghị định 52 có một số điểm mới đáng chú ý như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

Nghị định 52 mở rộng đối tượng áp dụng, bao gồm không chỉ các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM), các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT) và các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ TTKDTM, dịch vụ TGTT như quy định trước đây của Nghị định 101 mà còn cả các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ TTKDTM, dịch vụ TGTT.

2. Một số thuật ngữ mới/ đáng chú ý:

(a) Nghị định 52 định nghĩa lại:

(i) Dịch vụ TGTT bao gồm dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử (thay cho (a) Dịch vụ cung ứng hạ tầng thanh toán điện tử, bao gồm: Dịch vụ chuyển mạch tài chính; Dịch vụ bù trừ điện tử; Dịch vụ công thanh toán điện tử; (b) Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ thanh toán, bao gồm: Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử; Dịch vụ Ví điện tử; và Các dịch vụ TGTT khác theo quy định của Ngân hàng

Nhà nước như quy định tại Nghị định 101 và Thông tư hướng dẫn thi hành); và

(ii) Dịch vụ ví điện tử là dịch vụ do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG cung ứng cho khách hàng để nạp tiền vào ví điện tử, rút tiền ra khỏi ví điện tử và thực hiện giao dịch thanh toán (đối so sánh, Nghị định 101 định nghĩa dịch vụ ví điện tử là dịch vụ cung cấp cho khách hàng một tài khoản điện tử định danh do các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tạo lập trên vật mang tin như chip điện tử, sim điện thoại di động, máy tính..., cho phép lưu giữ một giá trị tiền tệ được đảm bảo bằng giá trị tiền gửi tương đương với số tiền được chuyển từ tài khoản thanh toán của khách hàng tại ngân hàng vào tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử theo tỷ lệ 1:1);

(b) Nghị định 52 bổ sung dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng bao gồm không chỉ dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ như quy định tại Nghị định 101 mà cả các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN);

(c) Nghị định 52 bổ sung một số định nghĩa mới như:

(i) Tiền điện tử là giá trị tiền Việt Nam đang lưu trữ trên các phương tiện điện tử (bao gồm ví điện tử, thẻ trả trước) được cung ứng trên cơ sở đối ứng với số tiền được khách hàng trả trước cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG cung ứng dịch vụ ví điện tử;

(ii) Dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế là việc kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế (TTQT) để truy cập và xử lý dữ liệu điện tử các giao dịch TTQT.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ TTKDTM:

Nghị định 52 tiếp tục quy định tổ chức cung ứng dịch vụ TTKDTM bao gồm NHNN, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô nhưng đã rút gọn

“một số tổ chức khác” theo quy định tại Nghị định 101 còn “doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích”.

4. Điều kiện cung ứng dịch vụ TGT:

Nếu như ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục được phép cung ứng dịch vụ ví điện tử, thì theo Nghị định 52, đã được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT, tổ chức khác không phải là ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ một số điều kiện mới sau đây trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ TGT:

Các điều kiện chung:

(a) Vốn điều lệ (thực góp hoặc được cấp tài thiêu): 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử; 300 tỷ đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử (Nghị định 101 quy định có vốn điều lệ tài thiêu là 50 tỷ đồng đối với tất cả các dịch vụ); tổ chức cung ứng dịch vụ TGT chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn đã góp hoặc vốn được cấp;

(b) Nhân sự: Người đại diện theo pháp luật (NĐTPL), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin (đây là ngành mới được Nghị định 52 bổ sung) và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm (Nghị định 101 quy định có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp) là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm luôn có ít nhất một NĐTPL cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một NĐTPL cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của NĐTPL).

Phó Tổng Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt

thực hiện Đ án cung ứng dịch vụ TGT (gồm Trung phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm (Nghị định 52 thay thế hai ngành tài chính, ngân hàng theo Nghị định 101 bằng quản trị kinh doanh và luật);

(c) Kỹ thuật: Phải có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ TGT để nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt nhưng bổ sung yêu cầu đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật.

Các điều kiện riêng (với từng dịch vụ cụ thể):

(d) Dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Tổ chức cung ứng dịch vụ TGT phải được một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyên mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được NHNN cấp phép để thực hiện chuyên mạch giao dịch tài chính và xử lý bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ TGT của tổ chức;

(e) Dịch vụ chuyên mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: Ngoài điều kiện phải được một tổ chức thực hiện quy tắc toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan như Nghị định 101 quy định, tổ chức cung ứng dịch vụ TGT còn có thể thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ để nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ TGT; có cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thể thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 10 triệu giao dịch thanh toán/ngày. Tổ chức tham gia

không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử;

(f) Dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế: Ngoài điều kiện phải được một tổ chức thực hiện quy kết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan đã được quy định trong Nghị định 101, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG còn phải có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống TTQT để thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch TTQT cũng như quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế để nghị cấp phép và tổ chức vận hành hệ thống TTQT kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.

5. Hồ sơ để nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTG:

Ngoài các tài liệu được quy định trong Nghị định 101, Nghị định 52 bổ sung thêm các tài liệu sau:

(a) Văn bản cam kết và tài liệu chứng minh của chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập của tổ chức về việc đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn điều lệ;

(b) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: phương án được một tổ chức thực hiện quy kết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mục số 08 ban hành kèm theo Nghị định này; văn bản thỏa thuận kết nối với các tổ chức tham gia, có nội dung cam kết không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử; tài liệu chứng minh cơ sở hạ tầng thông tin, hệ thống máy chủ đáp ứng quy định tại Nghị định 52; và

(c) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế: Quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn hệ thống TTQT để kết nối thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch TTQT; quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế để nghị cấp phép;

bản sao tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống TTQT được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức thành lập hoặc đặt trụ sở chính cấp; phương án được một tổ chức thực hiện quy kết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mục 08 ban hành kèm theo Nghị định 52.

6. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT:

Thay cho thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định 101, Nghị định 52 quy định chi tiết hơn, cụ thể như sau:

(a) Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, NHNN tiến hành thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày NHNN có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ thì NHNN có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức;

(b) Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, NHNN tiến hành thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, NHNN có văn bản trả lời tổ chức, trong đó nêu rõ lý do; và

(c) Kể từ ngày NHNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được tự gửi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tối đa 02 lần; thời gian nộp hồ sơ tự bổ sung, hoàn thiện của tổ chức tối đa không vượt quá 60 ngày kể từ ngày NHNN có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7. Triển khai hoạt động sau khi được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT:

So với Nghị định 101, Nghị định 52 quy định rõ hơn, cụ thể như sau:

(a) Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ TGT ra thị trường và không quá 06 tháng kể từ ngày

được NHNN cấp Giấy phép, tổ chức đã được NHNN cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ TGTТ phải thông báo và cung cấp tài liệu chứng minh cho NHNN về việc: Hệ thống kỹ thuật đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định 52; bản sao Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ TGTТ đã được cấp phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 52; tài liệu chứng minh được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định 52; và

(b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu, NHNN thực hiện kiểm tra thực tế tại tổ chức cung ứng dịch vụ TGTТ và có văn bản thông báo về việc đáp ứng hoặc không đáp ứng quy định tại Nghị định 52. Trường hợp không đáp ứng, NHNN sẽ xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ.

8. Thời hạn của Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ:

Nghị định 52 giữ nguyên thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép là 10 năm tính từ ngày tổ chức được NHNN cấp Giấy phép giống như Nghị định 101, nhưng bổ sung quy định đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, thời hạn hoạt động không được vượt quá thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính.

9. Sốa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ:

Nghị định 52 bổ sung các quy định sau:

(a) Trường hợp đề nghị kết nối thêm hệ thống TTQT, tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế bổ sung thêm các tài liệu quy định tại Mục (c), Phần 4 ở trên vào bộ hồ sơ đề nghị sốa đổi, bổ sung Giấy phép;

(b) NHNN tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép, NHNN có văn bản trả lời tổ chức trong đó nêu rõ lý do;

(c) Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép sửa đổi, bổ sung không vượt quá thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ;

(d) Đối với dịch vụ TGTТ được đề nghị ngừng cung cấp, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTТ phải ngừng cung cấp dịch vụ sau khi NHNN sửa đổi, bổ sung Giấy phép và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được NHNN sửa đổi, bổ sung Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTТ phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật; và

(e) Trường hợp thay đổi một trong các nội dung sau: Thay đổi NĐDTPL, thay đổi văn điểu lệ, thay đổi tổ lệ sở hữu văn điểu lệ của chủ sở hữu; thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTТ không phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhưng phải gửi thông báo cho NHNN bằng văn bản và tài liệu chứng minh các thông tin liên quan (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có các thay đổi nêu trên.

10. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ:

(a) Các trường hợp bị thu hồi:

Ngoài ba trường hợp đã được quy định trong Nghị định 101, bao gồm:

(i) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động

cung ứng dịch vụ TGTТ phát hiện trong thời hạn 06 tháng liên tục, tđ chức không thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ được cđp phép cho khách hàng;

(ii) Sau thời hạn 03 tháng kđ từ ngày NHNN có văn bđn thông báo cho tđ chức vi phạm một trong các đđu kiện trong quá trình cung ứng dịch vụ, hệ thđng kỹ thuật không đáp ứng quy định và phđi thực hiện các biện pháp khđc phục nhưng tđ chức không khđc phục được; và

(iii) Tđ chức cung ứng dịch vụ TGTТ bị giđi thđ hoặc phá sđn theo quy định cđa pháp luật,

Nghị định 52 bđ sung thêm các trường hợp sau đây:

(iv) Tđ chức cung ứng dịch vụ TGTТ có đơn đđ nghị thu hđi Giđy phép do chđm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ được cđp phép theo Mđu sđ 15 ban hành kèm theo Nghị định 52;

(v) Khi có hiệu lực bđn án, quyđt định thi hành án, quyđt định xđ phạt vi phạm hành chính cđa cơ quan Nhà nước có thđm quyđn, cơ quan thi hành án hình sự có nội dung yêu cđu thu hđi Giđy phép cđa tđ chức cung ứng dịch vụ TGTТ hoặc có văn bđn yêu cđu cđa cơ quan Nhà nước có thđm quyđn, cơ quan thi hành án hình sự đđ nghị thu hđi Giđy phép cđa tđ chức cung ứng dịch vụ TGTТ;

(vi) Tđ chức cung ứng dịch vụ TGTТ sđ dụng, lợi dụng tài khođn thanh toán, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ TGTТ đđ đánh bạc, tđ chức đánh bạc, lừa đđo, kinh doanh trái pháp luật, rđa tiđn, tài trợ khđng bđ, tài trợ phđ biđn vũ khí hđy diệt hàng loạt;

(vii) Tđ chức cung ứng dịch vụ TGTТ không đáp ứng một trong các đđu kiện cung ứng dịch vụ TGTТ đã nêu tại Phđn 4 đđ trên, không cung cđp được tài liệu chứng minh hoặc tài liệu chứng minh không đáp ứng quy định tại Nghị định 52 và sau thời hạn 03 tháng kđ từ ngày NHNN có văn bđn thông báo yêu cđu tđ chức thực hiện các biện pháp khđc phục nhưng tđ chức không khđc

phục được; và

(viii) T_đ chức cung ứng dịch vụ TGT_đ tái phạm việc báo cáo không trung thực số dư, số lượng ví điện tử theo quy định.

(b) Điều kiện xin cấp lại Giấy phép:

Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi Giấy phép (với điều kiện t_đ chức bị thu hồi Giấy phép đã hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định của pháp luật), t_đ chức bị thu hồi Giấy phép mới được đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT_đ (trong khi đó Nghị định 101 quy định thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kh_đc phục được hoàn toàn nguyên nhân bị thu hồi Giấy phép)./.

—